TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG** ———	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa bà H và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Trương Thị Thu Thủy

2.Ông Lý Khắc Chung

-*Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Châu –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

-Kiểm sát viên-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 507/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 529/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: + ấp KP, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

+ ấp HL, xã HL, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Bích H có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp KP, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày và có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T được cha mẹ đôi bên mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 337/2011, quyển số: 02/2011 ngày 24/11/2011. Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng ông bà lúc đầu sống có hạnh phúc, sau đó tình cảm giữa vợ chồng có nhiều điểm bất đồng, do việc làm ăn kinh tế gia đình bị thất bại, từ đó mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng phát sinh, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cải, không hòa hợp trong tình cảm, không còn hạnh phúc nên cả hai đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại với nhau chung sống với nhau được nửa nên bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 chung chưa thành niên tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 31/12/2009 và Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 15/12/2011. Cháu L đang sống chung với ông T và ý kiến của cháu L có nguyện vọng được sống chung với ông Nguyễn Văn T; còn cháu T đang sống chung với bà Nguyễn Thị Bích H và ý kiến của cháu T có nguyện vọng được sống chung với bà Nguyễn Thị Bích H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 15/12/2011và đồng ý cho ông Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 31/12/2009. Bà Nguyễn Thị Bích H không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*.Bị đơn ông Nguyễn Văn T chưa có gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*.Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Nguyễn Văn T không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh trụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[2] *Về tố tụng*: Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 17/01/2020, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bích H. Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T.

[3] *Về hôn nhân*: Giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xem xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích H, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích H. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[4] *Về nuôi con chung*: Theo giấy khai sinh của Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Bích T và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích H thì bà và ông Nguyễn Văn T có con chung chưa thành niên Nguyễn Văn L, sinh ngày 31/12/2009 và Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 15/12/2011. Xét thấy, con chung được bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T giáo dục, chăm sóc và quyền lợi của con chung được đảm bảo, nên bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và đồng ý cho ông Nguyễn Văn T nuôi con là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung thành niên tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 31/12/2009. Bà

Nguyễn Thị Bích H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung thành niên tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 15/12/2011. Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung lẫn nhau. Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T và các thành viên trong gia đình của bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T không được cản trở thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung lẫn nhau. Bà Nguyễn Thị Bích H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Bích H trình bày về tài sản chung giữa bà và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của ông Nguyễn Văn T để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Bích H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T.

2.Về nuôi con chung:

*2.1.*Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 31/12/2009 cho ông Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 15/12/2011 cho bà Nguyễn Thị Bích H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung lẫn nhau. Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T và các thành viên trong gia đình của bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T không được cản trở thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung lẫn nhau.

2.2. Bà Nguyễn Thị Bích H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích H trình bày tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005344 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Bích H đã nộp đủ.

5.Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (để thi hành);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã KH;
- UBND xã HL,
huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Việt Nam